Ký bởi: Ủy ban nhân dân xã Thanh An

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ THANH AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:361/BC-UBND	*Thanh An, ngày 03 tháng 6 năm 2026*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2026

Thực hiện Văn bản số 4283/UBND-TH ngày 26/5/2026 của UBND tỉnh Điện Biên về việc tham mưu dự thảo báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2026 của UBND tỉnh, UBND xã báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm 2026, nhiệm vụ giải pháp trọng tâm thúc đẩy giải ngân kế hoạch vốn trong những tháng còn lại của năm 2026 như sau:

I. Tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm 2026

1. Tình hình giao, phân bổ và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2026

Vốn Chương trình MTQG chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026: **7.448,51 triệu đồng**, trong đó:

- Vốn đầu tư:
- Vốn sự nghiệp: 7.448,51 triệu đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 1.712,06 triệu đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia XD NTM: 1.256,04 triệu đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN: 4.480,41 triệu đồng.

2. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn 6 tháng đầu năm 2026

UBND xã Thanh An đang triển khai thực hiện nhiệm vụ lập Quy hoạch chung xã Thanh An, tỉnh Điện Biên đến năm 2045. Nguồn vốn thực hiện là 98,398 triệu đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch gắn với quá trình đô thị hóa; Nội dung số 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới và tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã. Nhiệm vụ quy hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 16/3/2026. Đến nay, UBND xã đã tổ chức triển khai các bước lập Đồ án Quy hoạch chung xã theo quy định, bảo đảm tiến độ thực hiện theo kế hoạch và chỉ đạo của UBND tỉnh.

Tính đến ngày 31/5/2026, UBND xã Thanh An đã giải ngân được số tiền: **47,816 triệu đồng** đạt 48,9% kế hoạch vốn thuộc Chương trình MTQG XD Nông thôn mới (Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá - Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa.

UBND xã đang thực hiện thủ tục nộp trả số kinh phí hết nhiệm vụ chi: 7.350,107 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 và chuyển nguồn năm 2021-2024 chuyển sang năm 2026: 1.712,062 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia XD NTM năm 2025 và chuyển nguồn năm 2021-2024 chuyển sang năm 2026: 1.157,64 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2026: 4.480,405 triệu đồng. Do căn cứ theo Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách thôn, bản đặc biệt khó khăn, xã Thanh An là xã khu vực II, không còn thôn, bản thuộc diện đặc biệt khó khăn; do đó, không còn đối tượng để tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, dự án của Chương trình.

(Có biểu chi tiết kèm theo).

3. Đánh giá chung

3.1. Kết quả đạt được

Năm 2026, UBND xã không được giao kế hoạch vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Nguồn kinh phí thực hiện chủ yếu là nguồn chuyển sang từ năm 2025 theo quy định. Công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn chuyển nguồn được triển khai kịp thời, đúng mục đích, bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành.

UBND xã thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện các nội dung, nhiệm vụ được bố trí vốn; tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình triển khai nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm sử dụng nguồn vốn hiệu quả, đúng quy định. Đối với nhiệm vụ lập Quy hoạch chung xã Thanh An đến năm 2045, UBND xã đã tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện theo đúng tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.2. Tồn tại, hạn chế

Tiến độ triển khai thực hiện 03 chương trình MTQG còn chậm; tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn được giao còn thấp.

3.3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Đối với một số nguồn vốn chuyển nguồn từ năm 2025 sang năm 2026 hết nhiệm vụ chi, UBND xã đã chủ động rà soát, tổng hợp và báo cáo các sở, ngành Tỉnh để xem xét, hướng dẫn xử lý. Tuy nhiên, đến nay chưa có quyết định điều chỉnh, thu hồi nguồn vốn chuyển nguồn sang năm sau hoặc hướng dẫn cụ thể về phương án xử lý đối với các nguồn kinh phí này, dẫn đến địa phương gặp khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức giải ngân. Đây là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn theo kế hoạch năm 2026.

III. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thúc đẩy giải ngân kế hoạch vốn trong những tháng còn lại của năm 2026

- Tiếp tục quán triệt thực hiện nghiêm túc, quyết liệt đồng bộ các giải pháp chỉ đạo điều hành của Tỉnh về giải ngân vốn đầu tư công năm 2026; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong triển khai thực hiện các dự án và giải ngân vốn.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát để phát hiện và xử lý kịp thời các tồn tại, hạn chế, vi phạm trong quản lý; đôn đốc về tiến độ thực hiện, đảm bảo phạm vi, quy mô của từng dự án theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã được phê duyệt.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện, đi đôi với nâng cao chất lượng trong công tác lập, trình, thẩm định phê duyệt quyết định đầu tư các dự án đảm bảo phạm vi, quy mô của từng dự án theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã được phê duyệt.

- Thực hiện nghiêm túc công tác lựa chọn nhà thầu đảm bảo đúng quy định của pháp luật, khách quan, minh bạch, lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện các dự án. Kiên quyết xử lý theo quy định của pháp luật đối với các nhà thầu không đáp ứng yêu cầu, vi phạm điều khoản hợp đồng đã ký kết, kiên quyết loại ra các nhà thầu không có năng lực.

- Chủ động, khẩn trương thực hiện ngay công tác nghiệm thu, thanh toán khi đã có khối lượng hoàn thành, đảm bảo đúng khối lượng, chất lượng, hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu thu tiền sử dụng đất theo Kế hoạch của xã để có nguồn thu bố trí cho các dự án quan trọng trên địa bàn xã.

Trên đây là báo cáo Tình hình thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2026 của UBND xã Thanh An./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh (B/c);
- Sở Tài chính tỉnh (B/c);
- TT Đảng ủy, TT HĐND (B/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng ban, các cơ quan thuộc xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ THANH AN T.ĐIỆN BIÊN

Lò Văn Thành



BIỂU TỔNG HỢP VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA CHƯƠNG TRÌNH MTQG

(Kèm theo Báo cáo số 361/BC-UBND ngày 03/6/2026 của UBND xã Thanh An)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt				Kế hoạch vốn năm 2026 *(gồm vốn giao trong năm 2026 và vốn từ các năm trước chuyển sang)*			Kết quả giải ngân				Số vốn không còn nhu cầu sử dụng, không đề xuất kéo dài sang năm 2026					
		Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức phê duyệt			Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Đạt tỷ lệ (%)	Số vốn đã nộp trả về TK thu của ngân sách cấp tỉnh			Số vốn hết nhiệm vụ chi nộp trả về ngân sách tỉnh		
			Tổng vốn (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Vốn NSĐP								Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*		*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
	Tổng cộng					**7,448.51**	**7,448.51**	**-**	**47.82**	**47.82**	**-**	**0.64**	**-**	**-**	**-**	**7,350.11**	**7,350.11**	
A	**CTMTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG**					**1,712.06**	**1,712.06**	**-**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**1,712.06**	**1,712.06**	
I	**Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo**																	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo																	
2	Tiểu dự án 2: Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn																	
II	**Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**					1,625.5	1,625.5									1,625.52	1,625.52	
III	**Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**																	
1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp																	
2	Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng																	
IV	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**																	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn																	
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng																	
3	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững																	
V	**Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**																	
VI	**Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**																	
1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin																	
2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều																	
VII	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**					**86.54**	**86.54**	**-**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**86.54**	**86.54**	**0**
1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình																	
2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá					86.54	86.54									**86.54**	**86.54**	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt				Kế hoạch vốn năm 2026 *(gồm vốn giao trong năm 2026 và vốn từ các năm trước chuyển sang)*			Kết quả giải ngân				Số vốn không còn nhu cầu sử dụng, không đề xuất kéo dài sang năm 2026					
		Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức phê duyệt			Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Đạt tỷ lệ (%)	Số vốn đã nộp trả về TK thu của ngân sách cấp tỉnh			Số vốn hết nhiệm vụ chi nộp trả về ngân sách tỉnh		
			Tổng vốn (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Vốn NSĐP								Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*		*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
VIII	**Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**																	
IX	**Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn**																	
X	**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**																	
B	**CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**					**1,256.0**	**1,256.0**	**-**	**47.82**	**47.82**	**-**		**-**	**-**	**-**	**1,157.64**	**1,157.64**	
I	**Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá**					**98.40**	**98.40**	**-**	**47.82**	**47.82**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
1	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa					98.40	98.40		47.82	47.82		48.59						
2	Nội dung 02: Rà soát, điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM, trong đó, có quy hoạch khu vực hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn																	
3	Nội dung 03: Xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh, tạo điều kiện thực hiện Chương trình gắn với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường																	
II	**Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền**																	
III	**Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành NN, PTKTNT; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)…**																	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt				Kế hoạch vốn năm 2026 *(gồm vốn giao trong năm 2026 và vốn từ các năm trước chuyển sang)*			Kết quả giải ngân				Số vốn không còn nhu cầu sử dụng, không đề xuất kéo dài sang năm 2026					
		Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức phê duyệt			Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Đạt tỷ lệ (%)	Số vốn đã nộp trả về TK thu của ngân sách cấp tỉnh			Số vốn hết nhiệm vụ chi nộp trả về ngân sách tỉnh		
			Tổng vốn (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Vốn NSĐP								Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*		*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
IV	**Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo**																	
V	**Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn**																	
VI	**Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn**																	
VII	**Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam**					**1,089.00**	**1,089.00**	**-**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**1,089.00**	**1,089.00**	
1	Nội dung 01: Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh																	
2	Nội dung 02: Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa																	
3	Nội dung 03: Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm																	
4	Nội dung 04: Cải tạo nghĩa trang phù hợp với cảnh quan môi trường; xây dựng mới và mở rộng các cơ sở mai táng, hỏa táng phải phù hợp với các quy định và theo quy hoạch																	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt				Kế hoạch vốn năm 2026 *(gồm vốn giao trong năm 2026 và vốn từ các năm trước chuyển sang)*			Kết quả giải ngân				Số vốn không còn nhu cầu sử dụng, không đề xuất kéo dài sang năm 2026					
		Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức phê duyệt			Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Đạt tỷ lệ (%)	Số vốn đã nộp trả về TK thu của ngân sách cấp tỉnh			Số vốn hết nhiệm vụ chi nộp trả về ngân sách tỉnh		
			Tổng vốn (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Vốn NSĐP								Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*		*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
5	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025…					1,089.00	1,089.00									#REF!	#REF!	
6	Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cải thiện vệ sinh hộ gia đình																	
7	Nội dung 07: Triển khai hiệu quả Chương trình "Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025"																	
VIII	**Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ HCC; nâng cao chất lượng hoạt động của CQCS; thúc đẩy quá trình CĐS trong NTM...; bảo đảm và tăng cường KNTCPL cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo BĐG ...**																	
IX	**Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM**																	
X	**Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn**																	
XI	**Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM**					**68.64**	**68.64**	**-**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**68.64**	**68.64**	
1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình…					68.64	68.64		-							68.64	68.64	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt				Kế hoạch vốn năm 2026 *(gồm vốn giao trong năm 2026 và vốn từ các năm trước chuyển sang)*			Kết quả giải ngân				Số vốn không còn nhu cầu sử dụng, không đề xuất kéo dài sang năm 2026					
		Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức phê duyệt			Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Đạt tỷ lệ (%)	Số vốn đã nộp trả về TK thu của ngân sách cấp tỉnh			Số vốn hết nhiệm vụ chi nộp trả về ngân sách tỉnh		
			Tổng vốn (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Vốn NSĐP								Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*		*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
2	Nội dung 02: Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở																	
C	**CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**					**4,480.41**	**4,480.41**	**-**	**-**	**-**	**-**		**-**	**-**	**-**	**4,480.41**	**4,480.41**	
I	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**					80.00	80.00	-	-	-	-		-	-	-	80.00	80.00	
1	Hỗ trợ đất ở																	
2	Hỗ trợ nhà ở																	
3	Hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề					80.00	80.00									80.00	80.00	
4	Hỗ trợ nước sinh hoạt																	
II	**Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**																	
III	**Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**					4,286.56	4,286.56	-	-	-	-		-	-	-	4,286.56	4,286.56	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân																	
2	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					4,286.56	4,286.56		-							4,286.56	4,286.56	
IV	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc**					1.47	1.47	-	-	-	-		-	-	-	1.47	1.47	
1	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					1.47	1.47		-							1.47	1.47	

STT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt				Kế hoạch vốn năm 2026 *(gồm vốn giao trong năm 2026 và vốn từ các năm trước chuyển sang)*			Kết quả giải ngân				Số vốn không còn nhu cầu sử dụng, không đề xuất kéo dài sang năm 2026					
		Số quyết định ngày, tháng, năm	Tổng mức phê duyệt			Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Đạt tỷ lệ (%)	Số vốn đã nộp trả về TK thu của ngân sách cấp tỉnh			Số vốn hết nhiệm vụ chi nộp trả về ngân sách tỉnh		
			Tổng vốn (tất cả các nguồn vốn)	Vốn NSTW	Vốn NSĐP								Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP	Tổng số	Vốn NSTW	Vốn NSĐP
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*		*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
V	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**																	
VI	**Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**																	
VII	**Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**																	
VIII	**Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**					112.38	112.38									112.38	112.38	
IX	**Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn**																	
X	**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**																	